

Số: **01** /2023/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **15** tháng **02** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 31/TTr-SNV ngày 31 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2023 và bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau:

1. Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm và luân chuyển chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tại tỉnh Yên Bái.

2. Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, chức danh đối với cấp Trưởng, Phó các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tại tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội có tính chất đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./.

Nơi nhận: ./.

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh Yên Bái;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Điều hành thông minh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Ng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Huy Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý
(Kèm theo Quyết định số **01**/2023/QĐ-UBND
ngày **15** tháng **02** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời hạn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

a) Là công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở và tương đương, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức hội có tính chất đặc thù được giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

b) Đối với chức danh Chánh Thanh tra sở, ban, ngành và Chánh Thanh tra huyện, thị xã, thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra, các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quy định này;

c) Công tác luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ đối với cán bộ được thực hiện theo Quy định số 32-QĐ/TU ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Tỉnh ủy Yên Bái về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quy định số 21-QĐ/TU ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ; Quy định số 29-QĐ/TU ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tỉnh ủy Yên Bái về luân chuyển cán bộ;

d) Người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thực hiện theo các quy định của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đối với công tác cán bộ; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; phải căn cứ vào phẩm chất, đạo đức, trình độ, năng lực, sở trường công tác của công chức, viên chức và tiêu chuẩn chức danh của từng vị trí việc làm.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Nhân sự được đề nghị không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật; không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, không đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật công chức, viên chức và pháp luật chuyên ngành.

5. Cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện công tác cán bộ theo Quy định này, đồng thời thực hiện những nội dung chi tiết, cụ thể theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là người được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ có thời hạn trong cơ quan, đơn vị, địa phương và được hưởng phụ cấp chức vụ theo quy định.

2. Cấp có thẩm quyền là tổ chức hoặc người đứng đầu được giao quyền quyết định và quản lý đối với chức vụ, chức danh cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Các chức danh thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo Quy định này bao gồm:

a) Phó Giám đốc đơn vị sự nghiệp y tế hạng I, hạng II;

b) Phó Hiệu trưởng các trường cao đẳng (công lập);

c) Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm;

d) Trưởng các chi cục và tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 đến dưới 0,8; Phó các chi cục và tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 trở lên;

đ) Trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 đến dưới 0,8; Phó các đơn vị sự nghiệp công lập có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 trở lên (trừ các chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông phân cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định);

e) Phó Trưởng Ban Tiếp công dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;

h) Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh.

4. Các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc sở và tương đương; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các hội, hiệp hội thuộc khối Nhà nước được giao biên chế theo Quy định này bao gồm:

a) Trưởng, phó các chi cục và tương đương thuộc các sở, ngành có hệ số phụ cấp chức vụ dưới 0,6;

b) Trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ngành có hệ số phụ cấp chức vụ dưới 0,6;

c) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở;

5. Các chức danh thuộc diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý theo Quy định này bao gồm:

a) Trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có hệ số phụ cấp chức vụ dưới 0,6;

b) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 4. Thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức

1. Thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở và tương đương, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, các tổ chức hội có tính chất đặc thù được giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ và theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối với chức danh Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra cấp huyện, trước khi quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chánh Thanh tra tỉnh.

Chương II

BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, KÉO DÀI THỜI GIAN GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

Mục 1

BỔ NHIỆM

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm

Đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 42 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Điều 44 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các tiêu chuẩn sau:

1. Về trình độ

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm được bổ nhiệm;

b) Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc tương đương;

c) Đã được bổ nhiệm vào ngạch công chức hoặc hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên và tương đương;

đ) Ngoài tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c, d của Khoản này, nếu bộ, ngành Trung ương có quy định về tiêu chuẩn chức danh khác hoặc cao hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của bộ, ngành Trung ương.

2. Về năng lực và uy tín

a) Có tư duy đổi mới và phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc. Nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ, có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Am hiểu tình hình cơ quan, đơn vị, địa phương để tham mưu, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

c) Có khả năng tham mưu cho lãnh đạo xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực công tác được phân công và đề xuất các giải pháp, biện pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để tổ chức thực hiện;

d) Có năng lực quản lý, điều hành; có khả năng tập hợp, phát huy sức mạnh của tập thể; được tập thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

3. Về kinh nghiệm công tác

a) Công chức, viên chức được bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 02 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Công chức, viên chức được bổ nhiệm lần đầu phải có thời gian công tác trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập ít nhất là 03 năm (không tính thời gian tập sự, thử việc);

c) Trước thời điểm bổ nhiệm, có ít nhất 03 năm liên tục được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ít nhất 03 tháng.

Điều 6. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm là 05 năm (60 tháng) tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực, trừ trường hợp thời hạn dưới 05 năm theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trường hợp công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương chức vụ cũ trở lên thì thời hạn bổ nhiệm chức vụ được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ mới có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức thay đổi tên gọi nhưng không thay đổi chức năng, nhiệm vụ; nhân sự các chức danh lãnh đạo, quản lý không thay đổi thì thời hạn bổ nhiệm được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm theo chức vụ cũ (tên gọi cũ của tổ chức) có hiệu lực thi hành, đồng thời ban hành Quyết định chuyển đổi chức vụ lãnh đạo theo vị trí việc làm và chức danh mới tương ứng.

4. Thời gian được giao nhiệm vụ giữ quyền hoặc phụ trách đơn vị, nếu được bổ nhiệm thì không tính vào thời hạn bổ nhiệm chức vụ cấp trưởng của đơn vị đó.

5. Thời hạn giữ một chức vụ lãnh đạo, quản lý không được quá hai nhiệm kỳ liên tiếp được thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật chuyên ngành.

Điều 7. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo Điều 46, Điều 47 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm đối với viên chức quản lý thực hiện theo Điều 46, Điều 47 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

3. Ngoài nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bản kê khai phục vụ công tác bổ nhiệm và bản kê khai hàng năm hoặc bản kê khai bổ sung liên trước đó.

4. Thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ nguồn nhân sự tại chỗ được quy định cụ thể như sau:

a) Bước 1, bước 3 và bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo, gồm: Tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ;

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng, gồm: Tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; Trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị (trường hợp các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn khác, các cơ quan, đơn vị căn cứ điều kiện thực tế để xem xét, triệu tập cấp trưởng của các đơn vị này cho phù hợp).

c) Bước 4: Hội nghị lấy ý kiến tín nhiệm, gồm: Toàn thể lãnh đạo, công chức, viên chức của phòng, ban và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị. Trường hợp các phòng, ban và tương đương có trên 30 người và có đơn vị cấu thành thì thành phần tham dự gồm: Tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương của cơ quan, đơn vị.

5. Trường hợp công chức, viên chức thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Nội vụ 04 bộ. Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ nhân sự, trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Hồ sơ bổ nhiệm

1. Đối với công chức lãnh đạo, quản lý thực hiện theo Điều 48 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

2. Đối với viên chức quản lý thực hiện theo Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

3. Thành phần hồ sơ là Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị, bao gồm: Báo cáo thẩm định tiêu chuẩn chính trị của Đảng ủy (Chi ủy)

cơ quan, đơn vị; nghị quyết, thông báo, kết luận về công tác cán bộ của Đảng ủy (Chi ủy) cơ quan, đơn vị.

Mục 2

BỔ NHIỆM LẠI, KÉO DÀI THỜI GIAN GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Điều 9. Yêu cầu đối với việc bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ

1. Khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định, tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải xem xét việc có thực hiện bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo quản lý hay không.

2. Việc bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ được tiến hành từng bước phù hợp với quy định của đảng, pháp luật của nhà nước và Quy định này.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ

1. Hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.
2. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm bổ nhiệm lại.
3. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.
4. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.
5. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thẩm quyền, thời điểm, thời hạn và nguyên tắc bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ phải báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác, cụ thể như sau:

a) Trường hợp còn từ 02 năm công tác đến dưới 05 năm thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại, thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định;

b) Trường hợp còn dưới 02 năm công tác, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

4. Quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 01 ngày làm việc.

5. Trường hợp công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện giữ. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý đó do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

6. Các trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

a) Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử;

b) Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đang trong thời gian được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đi học tập, công tác ở nước ngoài từ 03 tháng trở lên;

c) Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản.

Điều 12. Thủ tục bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ

1. Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo Điều 52, Điều 53 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

2. Đối với viên chức quản lý thực hiện theo Điều 51, Điều 52 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

3. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải ra thông báo thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức.

4. Thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được quy định cụ thể như sau:

a) Bước 1: Hội nghị lấy ý kiến tín nhiệm, gồm: Toàn thể lãnh đạo, công chức, viên chức của phòng, ban và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị. Trường hợp các phòng, ban và tương đương có trên 30 người và có đơn vị cấu thành thì thành phần tham dự gồm: Tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương của đơn vị.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo, gồm: Tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ.

5. Trường hợp công chức, viên chức thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Nội vụ 04 bộ. Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ nhân sự trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đến tuổi nghỉ hưu

1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại thực hiện như quy định đối với hồ sơ bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định tại Điều 8 của Quy định này (các nội dung nhận xét, đánh giá công chức, viên chức lãnh đạo quản lý thực hiện trong cả nhiệm kỳ).

2. Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu

a) Đối với công chức lãnh đạo, quản lý thực hiện theo Khoản 2 Điều 54 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP;

b) Đối với viên chức quản lý thực hiện theo Khoản 2 Điều 53 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

c) Thành phần hồ sơ là Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị, bao gồm: Báo cáo thẩm định tiêu chuẩn chính trị của Đảng ủy (Chi ủy) cơ quan, đơn vị; Nghị quyết, thông báo, kết luận về công tác cán bộ của Đảng ủy (Chi ủy) cơ quan, đơn vị.

Chương III

LUÂN CHUYỂN, TỪ CHỨC, THÔI GIỮ CHỨC VỤ, MIỄN NHIỆM

Mục 1

LUÂN CHUYỂN CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

Điều 14. Phạm vi, đối tượng, chức danh luân chuyển

1. Phạm vi

Luân chuyển từ cấp trên xuống cấp dưới, từ cấp dưới lên cấp trên, từ địa phương này sang địa phương khác, giữa các cơ quan, tổ chức cùng cấp trong hệ thống chính trị.

2. Đối tượng

a) Công chức lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Công chức lãnh đạo, quản lý giữ các chức vụ cấp trưởng mà theo quy định không được giữ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp ở một cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Công chức lãnh đạo, quản lý mà theo quy định không được bố trí người địa phương;

d) Trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Nguyên tắc bố trí chức danh khi luân chuyển

Cơ bản thực hiện theo nguyên tắc bố trí giữ chức vụ tương đương với chức vụ đang đảm nhiệm. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí chức vụ cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm đối với công chức có phẩm chất, năng lực nổi trội, có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của chức vụ dự kiến phân công, bố trí.

Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện, thời gian luân chuyển

1. Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt.

2. Trong quy hoạch, có năng lực và triển vọng phát triển; luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Về cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể của chức vụ luân chuyển đến.

4. Điều kiện về độ tuổi:

a) Còn thời gian công tác ít nhất hai nhiệm kỳ (10 năm) tính từ thời điểm đi luân chuyển;

b) Riêng công chức lãnh đạo, quản lý luân chuyển để thực hiện quy định không được bố trí người địa phương và để thực hiện quy định không được giữ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp ở một địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị thì phải còn đủ thời gian công tác ít nhất một nhiệm kỳ.

5. Có đủ sức khỏe công tác.

6. Thời gian luân chuyển ít nhất 3 năm (36 tháng) đối với một lần luân chuyển. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 16. Thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện luân chuyển

1. Thẩm quyền quyết định luân chuyển

a) Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc luân chuyển công tác trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý;

b) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc luân chuyển công tác giữa các huyện, thị xã, thành phố; từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; giữa các cơ quan, tổ chức khối nhà nước cấp tỉnh trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc luân chuyển công tác đối với các chức danh thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm thực hiện

a) Cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển: Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch luân chuyển; thực hiện quy trình, thủ tục bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; quản lý, đánh giá, nhận xét, bố trí, phân công công tác đối với công chức sau luân chuyển; sơ kết, tổng kết công tác luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý;

b) Cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công chức luân chuyển đi: Nhận xét, đánh giá, đề xuất đối với công chức luân chuyển; phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý, giám sát và giữ mối liên hệ thường xuyên với công chức luân chuyển; có trách nhiệm tiếp nhận, bố trí hoặc đề xuất bố trí công tác đối với công chức sau luân chuyển;

c) Cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công chức luân chuyển đến: Chấp hành nghiêm quyết định về luân chuyển của cấp có thẩm quyền; có trách nhiệm bố trí công tác, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để công chức luân chuyển phát huy năng lực, sở trường; quản lý, đánh giá công chức luân chuyển; phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất hướng bố trí, sử dụng công chức sau luân chuyển;

d) Công chức được luân chuyển: Chấp hành nghiêm các quy định, quy chế, phân công của cấp có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, địa phương nơi đi và nơi đến; tu dưỡng, rèn luyện, nỗ lực, cố gắng, phát huy năng lực, sở trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chịu sự kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ hoặc

đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý; giữ mối liên hệ với cơ quan, tổ chức, địa phương nơi đi;

đ) Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, xây dựng kế hoạch luân chuyển; nhận xét, đánh giá, đề xuất bố trí, sắp xếp công chức trước và sau luân chuyển; tham mưu sơ kết, tổng kết về công tác luân chuyển;

e) Các cơ quan, đơn vị liên quan: Tham gia thẩm định nhân sự luân chuyển theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ trong công tác kiểm tra, giám sát và tham gia ý kiến trong việc bố trí, sắp xếp công chức sau luân chuyển.

Điều 17. Quy trình, hồ sơ luân chuyển

1. Quy trình luân chuyển

a) Bước 1. Đề xuất chủ trương

Căn cứ nhu cầu luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý của cấp có thẩm quyền, cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ tiến hành rà soát, đánh giá đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý của cơ quan, tổ chức; xây dựng kế hoạch luân chuyển, trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương.

b) Bước 2. Đề xuất nhân sự luân chuyển

Căn cứ vào chủ trương của cấp có thẩm quyền, cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ thông báo để các địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất nhân sự luân chuyển.

c) Bước 3. Chuẩn bị nhân sự luân chuyển

Cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ tổng hợp đề xuất của các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức; tiến hành rà soát tiêu chuẩn, tiêu chí, dự kiến địa bàn, chức danh và nhân sự luân chuyển; lấy ý kiến nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến luân chuyển;

Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền và cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng nhân sự luân chuyển có trách nhiệm nhận xét, đánh giá về phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác và uy tín; quá trình công tác và ưu, khuyết điểm của nhân sự được đề xuất luân chuyển; có kết luận về tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Đảng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý theo đúng quy định.

d) Bước 4. Trao đổi với các cơ quan, đơn vị liên quan và nhân sự được dự kiến luân chuyển

Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, trao đổi với nơi đi, nơi đến về dự kiến địa bàn, chức danh và nhân sự luân chuyển; tổng hợp kết quả thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan;

Tổ chức gặp gỡ với nhân sự được luân chuyển để quán triệt mục đích, yêu cầu luân chuyển; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và xác định trách nhiệm đối với nhân sự luân chuyển.

đ) Bước 5. Tổ chức thực hiện luân chuyển

Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định luân chuyển;

Cơ quan có thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quyết định luân chuyển;

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện luân chuyển của công chức luân chuyển;

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phân công, bố trí và thực hiện chính sách đối với công chức sau luân chuyển.

2. Hồ sơ luân chuyển

Hồ sơ luân chuyển thực hiện như quy định đối với hồ sơ bổ nhiệm quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 18. Bố trí công chức sau luân chuyển

1. Việc xem xét bố trí, phân công công chức sau luân chuyển phải căn cứ vào kế hoạch luân chuyển, yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, tổ chức gắn với trách nhiệm cá nhân của công chức được luân chuyển và kết quả nhận xét, đánh giá cán bộ.

2. Trường hợp công chức luân chuyển được cấp có thẩm quyền quyết định tiếp tục bố trí ổn định công tác ở địa phương, đơn vị nơi đến thì không còn xem là công chức luân chuyển theo quy định.

Điều 19. Chế độ, chính sách đối với công chức luân chuyển

1. Cơ quan nơi đến thực hiện chế độ chính sách, bố trí nơi ở, hỗ trợ đi lại, sinh hoạt phí (nếu có) đối với công chức luân chuyển. Trường hợp công chức luân chuyển đến vị trí công tác khác mà phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ đảm nhiệm trước khi luân chuyển thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ hiện hưởng trong thời gian luân chuyển.

2. Công chức luân chuyển đến 02 huyện vùng cao là Trạm Tấu, Mù Cang Chải và các xã đặc biệt khó khăn, ngoài các chính sách hỗ trợ nêu trên còn được hưởng chính sách ưu đãi như đối với công chức đang công tác tại địa bàn đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.

3. Công chức luân chuyển được hưởng các quyền lợi như công chức, viên chức của cơ quan nơi đến (khen thưởng, tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo quy định)

4. Công chức luân chuyển có thành tích đặc biệt xuất sắc (có sáng kiến, sản phẩm công tác cụ thể được cấp có thẩm quyền công nhận) được xem xét, động viên, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn; được ưu tiên khi xem xét bố trí công tác sau luân chuyển.

Mục 2**TỪ CHỨC, THÔI GIỮ CHỨC VỤ, MIỄN NHIỆM****Điều 20. Từ chức, thôi giữ chức vụ**

1. Việc xem xét từ chức đối với công chức lãnh đạo, quản lý hoặc thôi giữ chức vụ đối với viên chức quản lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;
- b) Do tự nhận thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vị trí công tác không phù hợp;
- c) Vì các lý do chính đáng khác của công chức, viên chức.

2. Công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không được từ chức, thôi giữ chức vụ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; đang đảm nhận nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; nếu từ chức ngay sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của Đảng và Nhà nước;

b) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Quy trình xem xét từ chức, thôi giữ chức vụ

a) Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn đề nghị của công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền phải gặp gỡ trao đổi với công chức, viên chức có đơn đề nghị. Trường hợp công chức, viên chức rút đơn thì dừng việc xem xét; trường hợp công chức, viên chức không rút đơn thì cơ quan đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Đối với các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội đặc thù cấp tỉnh: Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ có văn bản đề xuất, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín, báo cáo Đảng ủy (chi ủy) xem xét, cho chủ trương. Sau khi có thông báo của Đảng ủy (chi ủy), thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định cho từ chức, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức;

c) Đối với cấp huyện: Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ có văn bản đề xuất, tập thể lãnh đạo cấp huyện phải thảo luận, xem xét, biểu quyết bằng phiếu kín, báo cáo Ban Thường vụ cùng cấp xem xét, cho chủ trương. Sau khi có thông báo của Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho từ chức, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức;

d) Việc quyết định để công chức từ chức, viên chức thôi giữ chức vụ phải được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định;

đ) Trường hợp công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp hồ sơ gửi Sở Nội vụ 02 bộ. Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Khi đơn đề nghị từ chức, thôi giữ chức vụ chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đồng ý thì công chức, viên chức có đơn đề nghị vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 21. Miễn nhiệm

1. Việc xem xét miễn nhiệm đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;
- b) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;
- c) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một thời hạn bổ nhiệm;
- d) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ;
- đ) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Quy trình xem xét, miễn nhiệm

a) Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ lập tờ trình, trình Giám đốc sở hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét việc miễn nhiệm;

b) Đối với các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội đặc thù cấp tỉnh: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất miễn nhiệm, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín, báo cáo Đảng ủy (chi ủy) xem xét, cho chủ trương. Sau khi có thông báo của Đảng ủy (Chi ủy), thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định miễn nhiệm chức vụ theo thẩm quyền;

c) Đối với cấp huyện: Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất miễn nhiệm, tập thể lãnh đạo cấp huyện phải thảo luận, xem xét, biểu quyết bằng phiếu kín, báo cáo Ban Thường vụ cùng cấp xem xét, cho chủ trương. Sau khi có thông báo của Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định miễn nhiệm chức vụ theo thẩm quyền;

d) Việc quyết định miễn nhiệm đối với công chức, viên chức phải được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định;

đ) Trường hợp công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp hồ sơ gửi Sở Nội vụ 02 bộ. Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý sau khi bị miễn nhiệm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức bố trí công tác phù hợp; công chức, viên chức có trách nhiệm chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp công chức, viên chức bị miễn nhiệm do xếp loại chất lượng ở mức không

hoàn thành nhiệm vụ trong 02 năm liên tiếp thì cơ quan có thẩm quyền cho thôi việc theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Hồ sơ xem xét cho từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ;
2. Các văn bản: Quyết định, văn bản kết luận, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; đơn đề nghị của công chức, viên chức và các văn bản có liên quan;
3. Biên bản hội nghị và biên bản kiểm phiếu.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này; đồng thời, cụ thể hóa các nội dung của Quy định này đến các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Quy định này; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định này tại các cơ quan, đơn vị địa phương.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất bằng văn bản và gửi về Sở Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.